

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Ngô Minh Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Số: 289/2013/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29/03/2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Trần Thị Hương Quỳnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1618/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.553.647.301	136.403.139.619
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	61.608.600.772	58.832.050.777
1. Tiền	111		48.608.600.772	43.932.050.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	14.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.155.258.341	9.533.255.121
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	3.155.258.341	9.533.255.121
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.741.176.394	41.700.943.385
1. Phải thu khách hàng	131		14.576.918.496	13.308.547.058
2. Trả trước cho người bán	132		12.163.613.748	17.790.646.334
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	11.126.364.725	11.421.602.457
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.125.720.575)	(819.852.464)
IV. Hàng tồn kho	140		58.356.327	-
1. Hàng tồn kho	141		58.356.327	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.990.255.467	26.336.890.336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	4.351.585.359	11.266.188.198
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.5	6.953.692.961	6.769.211.131
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	726.349.465	674.640.278
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	5.958.627.682	7.626.850.729
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		583.638.194.939	633.536.906.197
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		529.676.169.398	579.437.267.209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	503.942.871.208	555.047.031.358
Nguyên giá	222		712.797.791.862	750.070.673.391
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.854.920.654)	(195.023.642.033)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	13.222.429.537	13.243.883.832
Nguyên giá	228		13.287.908.805	13.287.908.805
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.479.268)	(44.024.973)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	12.510.868.653	11.146.352.019
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.611.847.070	44.585.029.243
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	32.426.477.070	33.399.659.243
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	11.600.000.000	11.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.350.178.471	9.514.609.745
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	10.350.178.471	9.514.609.745
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		703.191.842.240	769.940.045.816

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		412.170.858.078	487.166.343.573
I. Nợ ngắn hạn	310		148.690.414.481	159.078.009.891
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	57.818.181.000	60.648.948.539
2. Phải trả người bán	312		38.798.667.932	35.242.628.360
3. Người mua trả tiền trước	313		391.396.291	2.141.098.733
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	7.366.008.145	7.534.537.249
5. Phải trả người lao động	315		21.629.748.363	19.275.438.644
6. Chi phí phải trả	316		1.462.185.221	2.494.679.592
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	21.255.081.958	31.299.923.635
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		500.419.465	288.211.923
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(531.273.894)	152.543.216
II. Nợ dài hạn	330		263.480.443.597	328.088.333.682
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	262.923.288.000	320.864.712.600
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	536.316.674
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	93.891.052
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		557.155.597	6.593.413.356
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		283.637.078.932	276.496.336.196
I. Vốn chủ sở hữu	410		283.637.078.932	276.496.336.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.17	132.428.325	132.428.325
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.17	3.410.429.248	3.410.429.248
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.17	-	883.800.086
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.17	22.932.396.288	22.932.396.288
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.17	10.306.987.274	10.306.987.274
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.17	96.854.837.797	88.830.294.975
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.18	7.383.905.230	6.277.366.048
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400 + 439)	450		703.191.842.240	769.940.045.816
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		TM	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại				
USD			1.084.383,23	1.836.194,78
EURO			381,69	398,07
YEN			29.975,00	32.153,00
SGD			571,96	605,08

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	502.790.851.125	464.976.162.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	13.505.763	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	502.777.345.362	464.976.162.891
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	511.913.087.022	463.521.154.531
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(9.135.741.660)	1.455.008.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	11.107.172.019	13.842.220.553
7. Chi phí tài chính	22	5.21	22.006.990.941	47.850.926.163
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.437.637.097</i>	<i>18.469.893.537</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.928.225.158	13.235.369.567
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(32.963.785.740)	(45.789.066.817)
11. Thu nhập khác	31	5.22	43.391.429.977	177.276.207.416
12. Chi phí khác	32	5.22	5.389.865.212	16.577.818.799
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		38.001.564.765	160.698.388.617
14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	45		5.970.808.628	9.644.983.649
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		11.008.587.653	124.554.305.449
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.23	831.649.300	40.711.399.884
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	93.663.158
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.176.938.353	83.749.242.407
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		1.682.895.531	813.294.133
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (62 = 60-61)	62		8.494.042.822	82.935.948.274
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	566,3	5.529

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.008.587.653	124.554.305.449
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	57.151.140.165	49.309.144.785
- Các khoản dự phòng	03	305.868.111	819.844.256
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(339.240.654)	22.785.804.649
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.637.289.179)	(171.183.891.940)
- Chi phí lãi vay	06	21.437.637.097	18.469.893.537
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	42.926.703.193	44.755.100.736
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	11.601.589.884	(1.422.291.570)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(58.356.327)	-
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(12.814.412.940)	(18.944.654.262)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	6.079.034.113	(2.644.719.852)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(21.547.303.764)	(18.469.893.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(542.549.357)	(42.466.835.916)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.415.783.110)	(3.545.952.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.228.921.692	(42.739.246.651)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.115.910.910)	(210.176.595.443)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.162.078.763)	(16.701.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.238.049.095	11.574.717.766
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.081.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.420.701.977	10.610.206.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.188.485.317	(29.029.034.386)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.200.000.000	155.386.622.821
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.895.435.739)	(63.124.979.559)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.407.905.529)	(20.191.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62.103.341.268)	72.069.723.262
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	2.314.065.741	301.442.225
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	58.832.050.777	58.288.349.451
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	462.484.254	242.259.101
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	61.608.600.772	58.832.050.777

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Phúc

Nguyễn Thanh Thủy

Ngô Xuân Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION

Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng - Asaco

Công ty Cổ phần In Viễn Đông

Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam

Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht

Công ty TNHH Heung-A Shipping VN

Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính cả Công ty trong năm là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tổ hợp Công ty mẹ và Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính : Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “ Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao và phần mềm quản lý kho bãi được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 - 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là Chi phí, san lấp mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất là 49 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	2.372.758.274	1.599.423.322
Tiền gửi Ngân hàng	46.235.842.498	42.332.627.455
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	14.900.000.000
Tổng	61.608.600.772	58.832.050.777

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>	-	3.000.000.000
<i>Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam</i>	-	1.500.000.000
<i>Các ngân hàng chi nhánh Đà Nẵng</i>	3.155.258.341	5.033.255.121
Tổng	3.155.258.341	9.533.255.121

5.3 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải	400.000.000	400.000.000
Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	5.229.333.970
Tiền ứng cho các thuyền viên	1.184.506.673	2.642.393.127
Phải thu tiền bù lỗ do đầu tư chứng khoán	174.575.000	-
Phải thu khác	4.137.949.082	3.149.875.360
Tổng	11.126.364.725	11.421.602.457

5.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dầu diesel tồn tại các tàu lúc 24h	-	3.519.737.675
Chi phí sửa chữa tàu chờ bảo hiểm bồi thường	4.162.931.500	7.526.588.187
Chi phí khác	188.653.859	219.862.336
Tổng	4.351.585.359	11.266.188.198

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.5 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	6.211.614.938	6.769.211.131
Thuế xuất nhập khẩu đã nộp	20.301.526	19.059.751
Thuế TNDN nộp thừa	464.456.520	488.752.634
Thuế TNCN nộp thừa	-	166.603.725
Thuế khác	983.669.442	224.168
Tổng	7.680.042.426	7.443.851.409

5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	4.843.480.558	6.615.223.605
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.115.147.124	1.011.627.124
Tổng	5.958.627.682	7.626.850.729

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2012	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<u>Nguyên giá</u>						
Tại ngày 01/01	42.583.852.829	562.808.688	703.827.388.944	2.975.265.787	121.357.143	750.070.673.391
Tăng trong năm	7.890.911.608	349.440.863	965.344.284	389.331.089	-	9.595.027.844
XDCB hoàn thành	7.890.911.608	-	-	-	-	7.890.911.608
Mua trong năm	-	349.440.863	965.344.284	389.331.089	-	1.704.116.236
Giảm trong năm	-	-	46.846.290.373	21.619.000	-	46.867.909.373
Thanh lý, nhượng bán	-	-	46.846.290.373	21.619.000	-	46.867.909.373
Tại ngày 31/12	50.474.764.437	912.249.551	657.946.442.855	3.342.977.876	121.357.143	712.797.791.862
<u>Hao mòn lũy kế</u>						
Tại ngày 01/01	11.493.564.738	466.554.556	180.653.174.935	2.307.490.661	102.857.143	195.023.642.033
Tăng trong năm	2.576.489.792	132.177.529	54.057.217.475	360.101.078	3.699.996	57.129.685.870
Trích khấu hao	2.576.489.792	132.177.529	54.057.217.475	360.101.078	3.699.996	57.129.685.870
Giảm trong năm	-	-	43.276.788.249	21.619.000	-	43.298.407.249
Thanh lý, nhượng bán	-	-	43.276.788.249	21.619.000	-	43.298.407.249
Tại ngày 31/12	14.070.054.530	598.732.085	191.433.604.161	2.645.972.739	106.557.139	208.854.920.654
<u>Giá trị còn lại</u>						
Tại ngày 01/01	31.090.288.091	96.254.132	523.174.214.009	667.775.126	18.500.000	555.047.031.358
Tại ngày 31/12	36.404.709.907	313.517.466	466.512.838.694	697.005.137	14.800.004	503.942.871.208

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Năm 2012	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng
<u>Nguyên giá</u>				
Tại ngày 01/01	13.183.372.914	64.000.000	40.535.891	13.287.908.805
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	13.183.372.914	64.000.000	40.535.891	13.287.908.805
<u>Hao mòn lũy kế</u>				
Tại ngày 01/01	-	3.847.489	40.177.484	44.024.973
Tăng trong năm	-	21.095.888	358.407	21.454.295
Trích khấu hao	-	21.095.888	358.407	21.454.295
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	-	24.943.377	40.535.891	65.479.268
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại ngày 01/01	13.183.372.914	60.152.511	358.407	13.243.883.832
Tại ngày 31/12	13.183.372.914	39.056.623	-	13.222.429.537

5.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	41.901.875
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	6.261.298.692	3.910.594.930
Nhà 73 Lò Đúc	813.911.839	813.911.839
Nhà kho Hưng Yên	5.012.459.777	5.819.378.030
Các công trình khác	147.216.436	284.583.436
Tổng	12.510.868.653	11.146.352.019

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Đầu tư vào công ty liên kết</u>		
Công ty Cổ phần vận tải Tân Cảng Asaco	7.873.533.257	7.229.763.015
Công ty CP In Viễn Đông	5.301.523.157	5.282.894.235
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	10.660.757.542	7.534.331.756
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	4.167.152.319	5.275.637.710
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore	986.943.501	3.953.427.765
Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres	414.630.000	414.630.000
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	2.573.383.246	3.455.575.684
Công ty CP Unithai Logistics VN	448.554.048	253.399.078
Tổng	32.426.477.070	33.399.659.243

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (TIẾP THEO)*Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:*

Tên Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần vận tải Tân Cảng Asaco	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In an, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng nhằm
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-HashinViệt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS -Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

(1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Nol/CSS-Singapore. Do chưa có thỏa thuận chấm dứt giữa các bên liên doanh nên số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.

(2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.

5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Đầu tư dài hạn khác</u>		
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình (**)	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Đầu tư XD Trung Hưng (***)	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Tân Cảng Miền Trung (****)	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	11.600.000.000	11.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

- (*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17%, tương ứng 400.000 cổ phần trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (**) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/7/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% tương ứng 450.000 cổ phần trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (***) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2010, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% tương ứng 10.000 cổ phần trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.
- (****) Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung nắm giữ 300.000 Cổ phiếu chiếm tỷ lệ vốn góp 10%.

5.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng	9.174.655.355	9.388.433.735
Chi phí Công cụ dụng cụ và chi phí khác	1.175.523.116	126.176.010
Tổng	10.350.178.471	9.514.609.745

5.13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	2.808.551.139
Nợ dài hạn đến hạn trả	57.818.181.000	57.840.397.400
Tổng	57.818.181.000	60.648.948.539

5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	117.993.708	121.568.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	483.973.870	219.170.041
Thuế thu nhập cá nhân	976.547.672	729.582.975
Các loại thuế khác	5.787.492.895	6.464.215.512
Tổng	7.366.008.145	7.534.537.249

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.15 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	832.475.215	551.113.904
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	42.290.335	135.828.579
Phải trả về cổ phần hóa	-	13.461.071.957
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.463.650.050	469.909.050
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	5.530.552.829	5.828.813.343
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty Nhà nước	7.214.182.290	7.214.182.290
Phải trả khác	4.800.291.340	2.267.364.613
Tổng	21.255.081.958	31.299.923.635

5.16 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn		
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	102.084.624.000	133.549.136.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	92.565.720.000	104.176.449.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	126.091.125.000	140.979.525.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	320.741.469.000	378.705.110.000
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả	57.818.181.000	57.840.397.400
Số dư vay và nợ dài hạn	262.923.288.000	320.864.712.600

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTC/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 1 năm 2011.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2011/HDTC/PGB-HO ngày 09/06/2011 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô Oriental Princes trọng tải 14.187 DWT. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 9 năm 2011.

Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	1.508.800	1.508.800	1.508.800	376.800	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	555.750	555.750	555.750	555.750	555.750
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	712.500	712.500	712.500	712.500	712.500
Tổng	2.777.050	2.777.050	2.777.050	1.645.050	1.268.250

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	76.532.000.000	76.532.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	73.468.000.000	73.468.000.000
Tổng	150.000.000.000	150.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	15.000.000.000

Cổ phiếu giao dịch:

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP</i>		

Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.932.396.288	22.932.396.288
Quỹ dự phòng tài chính	10.306.987.274	10.306.987.274
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Biến động nguồn vốn và các quỹ***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2011	150.000.000.000	139.293.900	2.275.429.248	591.780.878	21.358.609.955	12.480.424.748	27.439.984.207	214.285.522.936
Tăng trong năm	-	-	1.135.000.000	391.840.253	1.574.466.333	2.271.744.065	84.217.498.879	89.590.549.530
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	82.935.948.274	82.935.948.274
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.135.000.000	-	1.574.466.333	2.271.744.065	-	4.981.210.398
Tăng khác	-	-	-	391.840.253	-	-	1.281.550.605	1.673.390.858
Giảm trong năm	-	6.865.575	-	99.821.045	680.000	4.445.181.539	22.827.188.111	27.379.736.270
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	7.537.987.863	7.537.987.863
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Giảm khác	-	6.865.575	-	99.821.045	680.000	4.445.181.539	289.200.248	4.841.748.407
Tại ngày 31/12/2011	150.000.000.000	132.428.325	3.410.429.248	883.800.086	22.932.396.288	10.306.987.274	88.830.294.975	276.496.336.196
Tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	132.428.325	3.410.429.248	883.800.085	22.932.396.288	10.306.987.274	88.830.294.975	276.496.336.196
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	8.494.042.822	8.494.042.822
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	8.494.042.822	8.494.042.822
Giảm trong kỳ	-	-	-	883.800.085	-	-	469.500.000	1.353.300.085
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	469.500.000	469.500.000
Nhận lại vốn từ liên doanh Nvl/CSS	-	-	-	883.800.085	-	-	-	883.800.085
Tại ngày 31/12/2012	150.000.000.000	132.428.325	3.410.429.248	-	22.932.396.288	10.306.987.274	96.854.837.797	283.637.078.932

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.18 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.444.600.000	5.244.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	120.092.675	120.092.675
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(3.706.815)
Quỹ đầu tư phát triển	204.541.584	204.541.584
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.614.670.971	711.838.604
Tổng	7.383.905.230	6.277.366.048

5.19 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	502.790.851.125	464.976.162.891
Tổng	502.790.851.125	464.976.162.891
Các khoản giảm trừ	13.505.763	-
Doanh thu thuần	502.777.345.362	464.976.162.891

5.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	511.913.087.022	463.521.154.531
Tổng	511.913.087.022	463.521.154.531

5.21 DOANH THU/CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	3.526.188.812	5.290.211.328
Lãi chênh lệch tỷ giá	906.234.134	3.232.013.625
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.674.615.186	5.319.995.600
Doanh thu tài chính khác	133.887	-
Tổng	11.107.172.019	13.842.220.553
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	21.437.637.097	18.469.893.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá	557.066.389	29.281.488.476
Chi phí tài chính khác	12.287.455	99.544.150
Tổng	22.006.990.941	47.850.926.163
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	(10.899.818.922)	(34.008.705.610)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.22 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	37.516.346.163	176.263.636.363
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	5.748.696.261	839.470.710
Các khoản khác	126.387.553	173.100.343
Tổng	43.391.429.977	177.276.207.416
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.569.501.524	15.689.951.351
Chi phí chuyển nhượng tài sản	1.615.821.995	599.877.455
Các chi phí khác	204.541.693	287.989.993
Tổng	5.389.865.212	16.577.818.799
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	38.001.564.765	160.698.388.617

5.23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được Công ty tạm tính trên cơ sở các quy định hiện hành về thuế và các ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được hưởng. Số liệu này được quyết toán vào thời điểm kết thúc năm tài chính và phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.494.042.822	82.935.948.274
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.494.042.822	82.935.948.274
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	566,3	5.529

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông:*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
HDQT và BKS	Thù lao	306.900.000	421.200.000
Ban lãnh đạo	Thu nhập	891.000.000	701.499.163

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	476.323.310	2.667.207.144
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	194.810.853	254.461.615
Công ty CP vận tải Tân cảng- Asaco	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	127.772.837	-
Công ty CP Unithai Logistics VN	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.733.503.542	163.146.492
<u>Giao dịch mua hàng</u>				
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	312.498.734
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	4.946.160	77.353.929
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	585.000

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Các khoản phải thu</u>				
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên doanh	Phải thu khách hàng	27.066.964	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	128.501.953	111.216.419
Công ty CP Unithai Logistics Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	321.084.333	18.253.561
<u>Các khoản phải trả</u>				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả người bán	7.401.620	-
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải trả người bán	14.700.000	32.835.055

(*) Các giao dịch trên không bao gồm các giao dịch về chi trả cổ tức

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012***Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	456.734.393.787	47.208.477.421	503.942.871.208
Xây dựng cơ bản dở dang	-	12.510.868.653	12.510.868.653
Các khoản phải thu	2.917.339.504	33.823.836.890	36.741.176.394
Tài sản không phân bổ	-	-	149.996.925.985
Tổng tài sản	459.651.733.291	93.543.182.964	703.191.842.240
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	9.698.374.088	50.355.375.802	60.053.749.890
Phải trả tiền vay	320.741.469.000	-	320.741.469.000
Nợ phải trả không phân bổ			31.375.639.188
Tổng nợ phải trả	330.439.843.088	50.355.375.802	412.170.858.078

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	217.094.228.285	285.696.622.840	502.790.851.125
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
Tổng doanh thu	217.094.228.285	285.696.622.840	502.790.851.125
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	(15.766.989.508)	6.631.247.848	(9.135.741.660)
Chi phí tài chính phân bổ	21.558.977.775	448.013.166	22.006.990.941
Kết quả kinh doanh bộ phận	(37.325.967.283)	4.362.181.543	(32.963.785.740)
<i>Chi phí tài chính (không phân bổ)</i>			-
<i>Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD</i>	5.564.020.361	32.437.544.404	38.001.564.765
Lợi nhuận kế toán trước thuế (không bao gồm lãi/lỗ công ty liên kết)			5.037.779.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả CP thuế TNDN hoãn lại)			831.649.300
Lợi nhuận trong năm			4.206.129.725

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<u>Tài sản tài chính</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.608.600.772	58.832.050.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.703.283.221	24.730.149.515
Đầu tư ngắn hạn	3.155.258.341	9.533.255.121
Đầu tư dài hạn	11.600.000.000	11.600.000.000
Tổng	102.067.142.334	104.695.455.413
<u>Công nợ tài chính</u>		
Các khoản vay	320.741.469.000	381.513.661.139
Phải trả người bán và phải trả khác	60.053.749.890	66.542.551.995
Chi phí phải trả	1.462.185.221	2.494.679.592
Tổng	382.257.404.111	450.550.892.726

Các loại công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc “hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”, tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	Công nợ
	31/12/2012	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.585.533.914	320.864.712.600
Euro (EUR)	10.127.887	-
Yên Nhật (YEN)	7.794.099	-
Đô la Singapo (SGD)	9.502.173	-
Tổng	22.612.958.073	320.864.712.600

Khi tỷ giá biến động tăng/giảm với biên độ 10% thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ tăng/giảm tương ứng là 24,8 tỷ đồng.

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chênh lệch lãi suất giữa vay ngoại tệ và tiền gửi bằng Việt Nam đồng sẽ đảm bảo rủi ro biến động tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng hoặc các cam kết cụ thể khác:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	-	57.818.181.000	262.923.288.000	320.741.469.000
Phải trả người bán và phải trả khác	60.053.749.890	-	-	60.053.749.890
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	1.462.185.221	-	1.462.185.221
Tổng	60.053.749.890	59.280.366.221	262.923.288.000	382.257.404.111
Tại ngày 01/01/2012				
Các khoản vay và nợ	-	60.648.948.539	320.864.712.600	381.513.661.139
Phải trả người bán và phải trả khác	66.542.551.995	-	-	66.542.551.995
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	2.494.679.592	-	2.494.679.592
Tổng	66.542.551.995	63.143.628.131	320.864.712.600	450.550.892.726

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng để cân đối luồng tiền phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

7. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Nguyễn Hồng Phúc****Nguyễn Thanh Thủy****Ngô Xuân Hồng**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Bảo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Công ty mẹ	VF Đà Nẵng	VF Hưng Yên
Tài sản ngắn hạn	96.048.094.453	11.656.178.403	11.849.374.445
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.276.725.617	2.772.689.436	2.559.185.719
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	3.155.258.341	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	23.232.387.005	4.305.253.125	9.203.536.264
Hàng tồn kho	58.356.327	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	16.480.625.504	1.422.977.501	86.652.462
Tài sản dài hạn	564.252.941.100	10.650.062.190	22.108.687.638
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định hữu hình	491.767.232.096	4.414.308.232	7.902.530.630
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	10.086.487.866	3.128.275.000	7.666.671
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.498.408.876	-	5.012.459.777
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53.844.143.309	3.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	1.056.668.953	107.478.958	9.186.030.560
Tổng tài sản	660.301.035.553	22.306.240.593	33.958.062.083
Nguồn vốn	Công ty mẹ	VF Đà Nẵng	VF Hưng Yên
Nợ phải trả	397.686.625.143	10.290.235.251	4.193.997.684
Nợ ngắn hạn	134.342.616.746	10.153.800.051	4.193.997.684
Nợ dài hạn	263.344.008.397	136.435.200	-
Vốn chủ sở hữu	262.614.410.410	12.016.005.342	29.764.064.399
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	8.000.000.000	29.240.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	252.521.000	-
Vốn khác của chủ sở hữu	3.410.429.248	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	22.706.844.651	430.093.221	-
Quỹ dự phòng tài chính	10.306.987.274	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	76.190.149.237	3.333.391.121	524.064.399
Tổng nguồn vốn	660.301.035.553	22.306.240.593	33.958.062.083

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	VF Đà Nẵng	VF Hưng Yên
Doanh thu thuần	373.742.599.934	98.464.415.687	30.749.483.459
Giá vốn hàng bán	393.814.861.674	91.876.321.223	26.401.057.843
Doanh thu hoạt động tài chính	14.540.170.857	805.485.550	91.080.258
Chi phí tài chính	21.728.520.324	388.137.284	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.965.153.698	3.296.735.113	1.666.336.347
Thu nhập khác	43.262.968.799	269.031.297	629.631
Chi phí khác	5.330.345.159	59.364.808	155.245
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.706.858.735	3.918.374.106	2.773.643.913
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	690.144.503	141.504.797
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.706.858.735	3.228.229.603	2.632.139.116